

Bản án số: **19/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 29-06-2018

“V/v tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Dũ**

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Trần Văn Việt**.

2. Ông **Ngô Văn Lầu**.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Trung An**, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 29 tháng 06 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2017/TLST-HNGĐ, ngày 29/06/2017 về việc *“Tranh chấp ly hôn”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 05 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 42/2018/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 06 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Vương Tú Q**, sinh năm 1981. Địa chỉ: số B đường N, khóm m, phường m, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Bị đơn: Ông **Ly Thịnh V**, sinh năm 1966. Địa chỉ: USA (Hoa Kỳ) (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn bà **Vương Tú Q** trình bày:

Về hôn nhân: bà và ông **Ly Thịnh V** kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 11/9/2014. Thời gian đầu hai người sống chung hạnh phúc, nhưng dần dần tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, hiện nay ông **Ly Thịnh V** đã bỏ mặc bà và con để trở về Hoa Kỳ sinh sống và không còn liên lạc gì với nhau nữa, không lo gì cho bà và con bà.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, gia đình đã tan vỡ và mục đích hôn nhân không thể tiếp tục tồn tại. Do đó, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông **Ly Thịnh V** theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Bà và ông **Ly Thịnh V** có 01 người con chung là **Lý Thị Kim T**, sinh ngày 31/3/2015 và hiện nay do bà trực tiếp nuôi dưỡng. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được tiếp tục nuôi dưỡng cháu **T** đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông **Ly Thịnh V** cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, bà **Vương Tú Q** vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về tố tụng:

[1] Ông **Ly Thịnh V** là người Việt Nam và sinh sống tại Hoa Kỳ, có địa chỉ rõ ràng. Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng cũng đã lập hồ sơ ủy thác tư pháp tổng đạt Thông

báo thụ lý vụ án cho ông Lý Thịnh V vào ngày 10/10/2017 để ông Ly Thịnh V xác nhận một số vấn đề liên quan đến yêu cầu khởi kiện của bà Vương Tú Q. Đến ngày 17/11/2018 Bộ Tư pháp đã có văn bản số 1799/CH-BTP, thông báo đã chuyển hồ sơ ủy thác cho Công ty ABC Legal Hoa Kỳ để thực hiện ủy thác tư pháp. Đến ngày 26/3/2018 Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng có nhận được công văn số 810/BTP-PLQT đề ngày 15/3/2018 của Bộ Tư pháp về việc đã thực hiện thành công ủy thác tư pháp cho ông Ly Thịnh V nhưng đến nay ông Ly Thịnh V vẫn không có văn bản trả lời cho Tòa án. Tại phiên tòa hôm nay, bà Q yêu cầu giải quyết vắng mặt ông Ly Thịnh V. Nhận thấy đây là phiên tòa mở lần thứ hai và ông Ly Thịnh V vắng mặt không rõ lý do, do đó Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông Ly Thịnh V.

* Về nội dung:

[2] Vào ngày 11/9/2014 bà Vương Tú Q và ông Ly Thịnh V kết hôn với nhau và được Sở Tư Pháp tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn cùng ngày 11/9/2014. Do thời gian tìm hiểu nhau quá ngắn nên sau khi kết hôn hai người có nhiều bất đồng trong cuộc sống, ông Ly Thịnh V cũng đã bỏ về Hoa Kỳ không còn liên lạc với bà Q và con. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Q yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Ly Thịnh V. Về con chung trong thời gian chung sống hai người có 1 con chung là cháu Lý Thị Kim T, sinh ngày 31/3/2015, hiện nay do bà trực tiếp nuôi dưỡng. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông Ly Thịnh V cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung, trợ cấp khó khăn sau khi ly hôn: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Bà Vương Tú Q và ông Ly Thịnh V đã tự nguyện kết hôn và được Sở Tư Pháp tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 11/9/2014 nên quan hệ hôn nhân giữa bà Q và ông Ly Thịnh V là hôn nhân hợp pháp. Sau khi sống chung một thời gian thì hai người bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, ông Ly Thịnh V trở về Hoa Kỳ và không còn liên lạc với bà Q và con nữa. Từ đó dẫn đến mâu thuẫn càng trở nên trầm trọng tình cảm giữa hai bên đã không còn, quan hệ hôn nhân chỉ ràng buộc nhau về mặt pháp lý, nếu kéo dài cũng làm tổn thương nhau, không thể hàn gắn để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Hơn nữa, hiện nay ông Ly Thịnh V ở Hoa Kỳ, còn bà Q và cháu T đang ở Việt Nam, hai bên không còn tình cảm, không còn quan tâm đến nhau và không thể hàn gắn để đoàn tụ gia đình. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của bà Q xin được ly hôn với ông Ly Thịnh V là có cơ sở, nên được Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận và đồng ý cho bà Vương Tú Q được ly hôn với ông Ly Thịnh V.

[4] Về con chung: Ông Ly Thịnh V và bà Vương Tú Q có một con chung là cháu Lý Thị Kim T, sinh ngày 31/3/2015 hiện nay do bà Q trực tiếp nuôi dưỡng. Nhận thấy, ông Ly Thịnh V hiện đang định cư ở Hoa Kỳ và đã không còn liên lạc với bà Q và cháu T trong thời gian dài. Đồng thời, từ khi cháu T được sinh ra đến nay đều được bà Q nuôi dưỡng và chăm sóc. Do đó yêu cầu của bà xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông Ly Thịnh V cấp dưỡng nuôi con là có cơ sở, được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho bà Q được trực tiếp nuôi dạy, chăm sóc cháu T đến khi trưởng thành.

[5] Về tài sản chung, nợ chung và trợ cấp khó khăn sau khi ly hôn: không có, các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về chi phí tố tụng: Chi phí Ủy thác tư pháp tổng đạt thông báo thụ lý cho bị đơn ông Ly Thịnh V là 95 đô la Mỹ, bà Q tự nguyện chịu và đã thực hiện xong.

[7] Về án phí sơ thẩm: bà Vương Tú Q phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm số tiền 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, Điều 37, khoản 2 Điều 227, điểm a khoản 5 Điều 477 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vương Tú Q:

- Về hôn nhân: Bà Vương Tú Q được ly hôn với ông Ly Thịnh V

- Về con chung: Giao cháu Lý Thị Kim T, sinh ngày 31/3/2015 cho bà Vương Tú Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi trưởng thành. Ông Ly Thịnh V không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Q không yêu cầu và được quyền thăm nom con mà không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung, nợ chung và trợ cấp khó khăn khi ly hôn: Không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

2. Chi Phí tố tụng: Chi phí Ủy thác tư pháp 95 đô la Mỹ bà Q tự nguyện chịu. Bà Q đã thực hiện xong.

3. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Vương Tú Q phải chịu là 300.000đ, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 300.000đ, theo biên lai thu tiền số 0008654, ngày 29/06/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng; bà Q đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với ông Ly Thịnh V thì thời gian kháng cáo nêu trên được tính từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T.M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- UBND phường m, tx V;
- Lưu HSVA-TDS.

đã ký

Nguyễn Văn Dũ